**TẬP 21**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 21 - Chủ đề 일기예보**

| 1. **HỘI THOẠI 1** |
| --- |
| #S. **Trước cửa hàng tiện lợi.**  (ví dụ: cần tìm ảnh có ô như này)  Nhân vật: Hà, Miki, Lan, Thu  Hà, Miki đi cửa hàng tiện lợi mua kem, gặp Lan và Thu. Tập này Thu xuất hiện kiểu “검색왕”  - **Hà** (ngồi ăn kem ở ghế): 아~ 덥다. Ôi~ Nóng quá.  - **Miki**: 그러게 오늘 아주 덥네. Đúng thế, hôm nay nóng quá.  - **Hà**: 오, Lan, Thu ~ 안녕? Ô, Lan, Thu, chào hai cậu.  - **Miki, Lan, Thu** : 안녕~ Chào các cậu.  - **Lan**: 아이스크림을 사러 왔어? 우리도 아이스크림을 사려고 해. 요즘 날씨가 너무 더워서 아이스크림이 자꾸 먹고 싶어. Các cậu đến mua kem à. Bọn mình cũng định mua kem đây. Hôm nay trời nóng quá nên là cứ muốn ăn kem ý nhỉ.  - **Miki**: 그렇지. Đúng vậy.  - **Hà**: 여기 한국 맞아? 베트남 아니야? Đây là Hàn Quốc thật không đấy. Không phải Việt Nam sao?  - **Miki**: 한국 맞아. 그런데 베트남에 있는 것처럼 덥지? Đúng Hàn Quốc rồi. Nhưng mà nóng như ở Việt Nam ấy nhỉ?  - **Thu**: (스마트폰 보면서/Nhìn điện thoại di động) 일기예보에 따르면, 오늘 낮 기온이 34도까지 올라갈 거라고 해. Theo dự báo thời tiết, nhiệt độ ban ngày hôm nay sẽ lên đến 34 độ.  - **Hà**: 뭐? 34도? 오늘 하노이 날씨는 어때? 하노이는 몇 도야? Cái gì? 34 độ á? Thời tiết Hà Nội hôm nay thế nào? Hà Nội bao độ vậy?  - **Thu**: (스마트폰 보면서/Nhìn điện thoại thông minh) 하노이는 35도. 서울과 1도 차이밖에 안 나. Hà Nội 35 độ. Chỉ chênh với Seoul có 1 độ thôi.  - **Lan**: 한국도 더운 나라였구나. Hàn Quốc cũng là đất nước nóng thật sự.  - **Miki**: 한국은 겨울에 눈이 오니까, 여름은 시원할 줄 알았는데. Mùa đông Hàn Quốc có tuyết nên tớ cứ tưởng mùa hè sẽ mát cơ.  - **Hà**: 한국은 여름은 덥고 겨울은 추운 나라야. 여름은 베트남만큼 덥고, 겨울은 강물이 얼 정도로 추워. Hàn Quốc là đất nước mà hè thì nóng còn đông thì lạnh đó. Mùa hè thì nóng như Việt Nam, mùa đông thì lạnh đến nỗi nước sông đóng thành băng.  - **Lan**: 그런데, 언제까지 이렇게 더워? 여름 내내 이렇게 더운 거야? Nhưng mà còn nóng như thế này đến khi nào vậy? Cứ nóng suốt thế này á?  - **Thu**: 기상청 발표를 볼까?... 기상청 발표에 따르면 이번 여름 내내 더울 거래. 그리고 이달 말에는 장마가 끝나서 날씨가 더 더워진대. Chúng ta xem thông báo của Cục Khí tượng nhé?... Theo thông báo của Cục Khí tượng thì mùa hè năm nay trời sẽ nóng kéo dài. Và cuối tháng này, mùa mưa kết thúc, trời còn nóng dần lên nữa.  - **Miki**: 장마? 장마가 뭐야? Mùa mưa? Mùa mưa nghĩa là gì?  - **Hà**: 장마는, 한국에서 6월 하순부터 7월 하순까지 비가 계속해서 내리는 기간을 뜻하는 말이야. Mùa mưa ở Hàn Quốc là khoảng thời gian mưa liên tục không ngừng từ cuối tháng 6 đến cuối tháng 7.  - **Lan**: 베트남의 우기(mùa mưa)와 비슷하구나! À hoá ra là giống mùa mưa ở Việt Nam.  - **Hà**: 그렇다고 볼 수 있어. 그런데 장마는 우기보다 기간이 더 짧아. Cũng có thể coi là như vậy. Nhưng mà thời gian của ‘장마-jangma’ ngắn hơn thời gian của ‘우기-ugi’.  - **Miki**: 그런데, 장마가 끝난 뒤에도 날씨가 계속 덥다니… Mà này sau khi đợt mưa kết thúc thì thời tiết vẫn tiếp tục nóng à.  - **Thu**: 한국은 생각 외로 여름이 더운 나라야. 뉴스에 따르면, 서울의 기온이 39.6도였던 적도 있어. (뉴스 화면) Hàn Quốc là một đất nước mà mùa hè còn nóng hơn cả suy nghĩ của tớ. Theo tin tức thì nhiệt độ của Seoul đã từng có lúc lên đến 39.6 độ. (hiện cảnh tin tức).  - **Miki**: 와.. 이렇게 더웠는데 겨울에는 눈이 온다고? Oà, nóng đến mức độ này mà bảo mùa đông có tuyết á?  - **Hà**: 12월이 되면 눈이 내리기 시작해. 그리고 1년 중, 1월이 가장 추워. 서울의 1월 평균 기온은 영하 1.9도야. Đến tháng 12 thì bắt đầu có tuyết. Và trong một năm thì tháng 1 là tháng lạnh nhất. Nhiệt độ trung bình của tháng 1 ở Seoul là âm 1.9 độ.  - **Lan**: 평균 기온이 영하야? 나는 아직 영하의 기온을 경험해 본 적이 없어. Nhiệt độ trung bình là âm độ á? Tớ còn chưa từng trải qua thời tiết âm độ bao giờ ý.  - **Thu** (뉴스를 보면서/xem bản tin): 진짜네. 추울 때는 서울의 기온이 영하 17도까지 내려갔던 적도 있어. (뉴스 사진 보여줌) Có đợt lạnh còn có lúc xuống đến âm 17 độ ấy. (ảnh bản tin)  - **Miki**: 아, 벌써 걱정이다 영하 17도라니. 얼어붙겠다. Chưa gì tớ đã lo lắng rồi. Gì mà âm 17 độ chứ. Chắc đóng băng mất.  - **Hà**: 사진 봐 봐. 한강이 꽁꽁 얼어붙었어. Cậu xem ảnh xem. Sông Hàn cũng đóng băng đây này.  - **Thu**: 그런데 한국의 집에는 보일러와 온돌이 있어서, 겨울에도 집 안은 따뜻해. Nhưng mà nhà ở Hàn Quốc có cả lò sưởi bằng nồi hơi và có cả thiết bị làm ấm sàn nhà nên kể cả là mùa đông trong nhà cũng ấm.  - **Miki**: 그건 다행이다. 그런데 밖에 나갈 때는? Thế thì may quá. Nhưng mà khi đi ra ngoài thì sao nhỉ?  - **Hà**: 당연히 밖은 춥지. 한국에서 겨울을 지내려면 두꺼운 겨울옷이 필수야. (롱패딩, 목도리, 귀도리 사진) Đương nhiên là bên ngoài thì lạnh rồi. Muốn vượt qua mùa đông lạnh giá ở Hàn Quốc thì nhất định phải có áo mùa đông thật dày. (Hà cho xem ảnh mặc áo phao đen xì dài, bịt kín mít).  - **Lan**: 그런데, 선배들 말에 따르면 한국은 겨울에 추운 날도 있고 따뜻한 날도 있다고 하던데, 그건 뭐야? Nhưng mà, theo lời của các tiền bối thì mùa đông Hàn Quốc cũng có những ngày ấm áp lắm. Là sao vậy?  - **Thu**: 응, 그건 ‘삼한사온(三寒四溫)’이라고 하는 거야. Ừm. cái đó được gọi là hiện tượng “ba ngày lạnh bốn ngày ấm” đấy.  - **Miki**: 삼한사온? Ba lạnh bốn ấm là gì?  - **Thu**: ‘삼한사온’은 한국 겨울 날씨의 특징이야. 겨울에 사흘간 춥고, 나흘간 따뜻해지는 현상을 삼한사온이라고 해. “Ba lạnh bốn ấm” là đặc trưng khí hậu vào mùa đông Hàn Quốc. Hiện tượng lạnh liên tục trong 3 ngày rồi ấm trong bốn ngày được gọi là ba lạnh bốn ấm.  - **Lan**: 그럼 3일은 추웠다가 4일은 안 추워? Nếu vậy thì lạnh 3 ngày rồi 4 ngày sau đó không lạnh à?  - **Hà**: 안 추운 것은 아니고, 덜 춥다고 해야 맞아. Không phải là không lạnh mà nói đúng hơn là đỡ lạnh.  - **Miki** (hiện số 3<4 trên đầu Miki): 그래도 다행이다. 덜 추운 날이 더 많아. Thế cũng thật may. Ngày đỡ lạnh nhiều hơn ngày lạnh.  - **Hà**: 어! 비가 오네. Ờ, trời mưa này.  - **Miki**: 아, 이제 좀 시원하다. A, giờ thì mát hơn một chút rồi.  - **Hà**: 비가 오니까 파전이 당기네. Trời mưa nên thèm bánh hành pajeon ghê.  - **Lan**: 파전? Pajeon?  - **Thu**: 한국에서는 비 오는 날에 파전을 먹어. Ở Hàn Quốc, người ta thường ăn bánh hành pajeon vào trời mưa.  - **Hà**: 맞아. Thu가 잘 아네. Đúng vậy. Thu biết nhiều thứ nhỉ?    - **Thu**: 사실… 나는 검색하는 것을 좋아해. 근처 파전집이 있는지 찾아볼까? Thật ra, tớ thích việc tìm kiếm thông tin ấy. Để tớ tìm xem gần đây có quán bánh hành pajeon nào không nhé?  - **Hà, Miki, Lan**: 좋아, 좋아. Được, được.  - **Thu**: 오, 있다, 있다, 걸어서 10분 거리야. Ô, có này, có này, đi bộ 10 phút thôi.  - **Hà** (Hà nói xong thì cho Thu đội vương miện kèm thêm biểu tượng Search):역시!!! 검색왕!!! 파전 먹으러 가자~ Đúng là vua tìm kiếm!!! Chúng mình đi ăn bánh hành pajeon thôi! |
| 1. **TRANH LUẬN** |
| 2팀: đội Nóng (chịu nóng giỏi/더위가 견디기 쉽다는 사람 - Huy & Su Hào) & đội Lạnh (chịu lạnh tốt/추위가 견디기 쉽다는 사람 - Hà & Miki)   | **Hà** | 한국에서 살다 보면, 아주 더운 날씨와 아추 추운 날씨를 만나게 되는데요.  Nếu sống ở Hàn Quốc sẽ trải nghiệm cả những ngày rất nóng và những ngày rất lạnh.  한국에 살고 있는 한, 더위와 추위는 피할 수 없는 날씨입니다.  Chừng nào còn sống ở Hàn Quốc thì bạn sẽ không thể tránh được nóng và lạnh.  피할 수 없으면 견뎌야겠죠?  Không tránh được thì phải chấp nhận và chịu đựng nhỉ?    그렇다면 더위와 추위, 둘 중에 뭐가 더 견디기 쉽다고 생각하시나요?  Vậy giữa thời tiết nóng và lạnh, bạn nghĩ cái nào dễ chịu đựng hơn? | | --- | --- | | **더-Huy** | 저는 더위가 추위보다 견디기 쉽다고 생각합니다.  Tớ thì nghĩ chịu nóng dễ hơn là chịu lạnh. | | **추-Miki** | 저는 추위가 더위보다 견디기 쉽다고 생각합니다.  Tớ thì lại thấy chịu lạnh dễ hơn là nóng. | | **더-Su Hào** | 사람의 피부를 보면, 동물에 비해 털이 없죠. 사람은 털이 없는 대신 땀을 배출시켜 체온을 효과적으로 조절할 수 있습니다. 그러니까 더위를 견디기가 더 쉽다고 생각합니다. Chúng ta sẽ thấy da của con người không có lông như da động vật. Vì thế cho nên con người có thể điều chỉnh nhiệt độ cơ thể một cách hiệu quả bằng cách bài tiết mồ hôi. Tớ thấy chịu nóng dễ hơn lạnh là vì thế. | | **추-Hà** | 아니죠, 아니죠, 그 반대로 생각할 수 있지 않을까요? 사람의 피부에 털이 없는 이유는, 추위를 잘 견디기 때문에 굳이 털이 필요하지 않을 수도 있죠. 사람은 추위에 더 강하다고 생각합니다. Ồ không, ồ không, tớ thì thấy có thể nghĩ ngược lại. Lý do mà con người không có bộ lông rậm như các loài động vật khác là mọi người chịu lạnh tốt nên đâu nhất định cần đến bộ lông rậm. Tớ nghĩ con người mạnh mẽ hơn là cái lạnh đó. | | **더-Huy** | 지구에서 사람이 살고 있는 곳을 살펴보면, 가장 추운 극지방에는 사람이 전혀 살지 않죠? 하지만 가장 더운 아프리카 사막 지역에도 사람은 살고 있습니다. 왜냐하면, 더위를 잘 견디기 때문이겠죠. Cậu hãy để ý nơi con người sống trên Trái đất này. Những vùng lạnh nhất - vùng địa cực thì không có người sinh sống, đúng không? Nhưng con người lại vẫn sống được ở nơi nóng nhất trên Trái đất kể cả đó là sa mạc ở châu Phi. Vì sao, bởi vì con người có thể chịu nóng tốt. | | **추 - Miki** | 물론 가장 추운 극지방에는 사람이 살고 있지 않습니다. 하지만 지구 전체를 살펴본다면, 여름만 있는 지역에 사는 사람의 인구보다 추운 겨울이 있는 지역에 사는 인구가 더 많은걸요? 왜냐하면, 추위를 잘 견디기 때문이죠. Tất nhiên là con người không sống ở nơi lạnh giá nhất rồi. Nhưng mà nếu xét tổng thể toàn Trái Đất, thì chẳng phải dân số ở nơi có mùa đông lạnh nhiều hơn hẳn dân số ở những nơi nóng sao. Vì sao, bởi vì con người có thể chịu lạnh tốt. | | **더- Su Hào** | 여름과 겨울에 입는 옷을 비교하면, 여름 옷이 겨울 옷에 비해 훨씬 단순하죠? 추위보다 더위를 견디기 쉽기 때문이 아닐까요? Nếu mà so sánh quần áo mặc vào mùa hè và mùa đông thì chẳng phải quần áo mặc vào mùa hè đơn giản hơn rất nhiều sao? Đó chẳng phải là do con người chịu nóng tốt hơn chịu lạnh sao? | | **추-Miki** | 아니죠, 여름에 반바지와 반팔 옷을 입어도 더워서 땀이 나잖아요. 하지만 겨울에는 두꺼운 옷을 입으면.. 결국 추위를 느끼지 않죠. 추위를 견디는 것이 더 쉽습니다. Không đâu, mùa hè dù cậu có mặc quần đùi, áo ngắn tay thì cậu vẫn đổ mồ hôi vì trời nóng. Nhưng vào mùa đông, nếu cậu mặc quần áo dày là cậu sẽ không cảm thấy lạnh. Như vậy là việc chịu lạnh dễ dàng hơn còn gì. | | **더- Huy** | 에이 그럼, 더울 때와 추울 때, 옷을 다 벗는다고 가정하면… 더위와 추위 중 어느 경우를 더 오래 견딜까요? 더위는 어느 정도 버틸 수 있겠지만 추위는 잠시도 견디지 못할 걸요? Ầy, nếu vậy, giả sử như cậu cởi hết quần áo khi trời nóng và khi trời lạnh… cậu sẽ chịu đựng được cái nào lâu hơn: nóng hay lạnh? Cậu có thể chịu được nóng ở một mức độ nhất định, nhưng chắc cậu sẽ không thể chịu được lạnh dù chỉ trong chốc lát. | | **추-Hà & Miki** | 어머?어머? U là trời. | | **추-Hà** | 왜 갑자기 옷을 벗는 예를 들고 그래요? 이상한 사람이네. Ôi trời? Sao đột nhiên lại lấy ví dụ cởi quần áo như vây? Thật là một người kỳ lạ. | | **더 - Huy** | 아니.. 뭐가 이상해요? 저는 예를 든 것뿐이에요. 오히려 그쪽이 더 이상한 거 아니에요? 뭘 상상한 거예요? Ồ không…có gì mà kỳ lạ? Chỉ là tớ đang lấy ví dụ thôi mà. Ngược lại, chẳng phải các cậu còn kỳ cục hơn sao? Các cậu đang tưởng tượng ra cái gì vậy? | | **더 - Su Hào (lắc đầu)** | 아이구~ Aigu. | | **추-Miki** | 뭐… 뭘 상상하긴요? (당신은) 벗어도 뼈밖에 없을 것 같은데.  Cái gì…tưởng tượng cái gì chứ? (cậu) Mà có cởi ra thì cũng chẳng có gì ngoài khung xương di động. | | **더 - Huy** | 뼈밖에 없다니요! 여기 근육! 근육 안 보여요? (muscle pose)  Sao lại bộ xương không? Chỗ này này, cậu không thấy cơ bắp cuồn cuộn sao. | | **추- Miki** | 어머 뭐 하는 거예요? Ôi trời, cậu làm gì thế? | | **추- Hà** | 더위를 먹었나? Nóng quá cậu bị ngáo à? | | **더-Huy** | (muscle pose) Giơ tay làm động tác khoe cơ bắp. | | **동시/ Đồng thanh** | 여러분, 어떻게 생각하세요? Các bạn ơi, các bạn suy nghĩ như thế nào? | |